

# BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

■ TS. BÙI THỊ MỪNG\*

**Tóm tắt:** Bài viết dưới đây sẽ phân tích và nêu rõ các đặc điểm của biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới, thay đổi tên gọi của biện pháp này, góp phần bảo đảm tính hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

**Từ khóa:** Bình đẳng giới; bất bình đẳng giới; biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; CEDAW.

**Abstract:** This article analyzes and points out the characteristics of measures to promote gender equality and recommends improving gender equality law and changing the name of this measure to ensure the effectiveness of implementing the measures promote gender.

**Keywords:** Gender equality; gender inequality; measures to promote gender equality; CEDAW.

## 1. Khái niệm biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới

Bình đẳng giới là việc nam, nữ được ghi nhận và bảo đảm các quyền con người như nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình mà không bị phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính, xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Bình đẳng giới được xác định là một trong những tiêu chí căn bản để đánh giá công bằng xã hội cũng như nền văn minh của nhân loại. Vì vậy, bình đẳng giới luôn là vấn đề mang tính thời sự được cộng đồng quốc tế cũng như mỗi quốc gia đặc biệt quan tâm.

Mặc dù đã có nhiều công ước quốc tế về quyền con người quy định rõ về quyền bình đẳng nam, nữ trong các lĩnh vực chính trị, dân sự nhưng trên thực tế, cho đến những năm 70 của thế kỷ XX, tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ vẫn diễn ra ở khắp nơi trên thế giới. Vì vậy, năm 1979, Liên Hợp quốc đã ban hành Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Đây là một văn bản pháp lý quốc tế chuyên biệt về quyền của phụ nữ mà trọng tâm vấn đề được giải

quyết là xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. CEDAW đã nhận diện được nguyên nhân gây ra tình trạng phụ nữ bị đối xử bất bình đẳng là do có sự phân biệt trên cơ sở giới tính. Công ước xác định rõ, các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả những biện pháp thích hợp kể cả pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa để bảo đảm sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ vì mục đích bảo đảm cho họ thực hiện và được hưởng những quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới<sup>1</sup>. Vì vậy, cho đến nay, CEDAW vẫn được đánh giá là một công ước đầy đủ và toàn diện nhất về quyền con người của phụ nữ. CEDAW không chỉ nhận diện được nguyên nhân gây ra tình trạng phụ nữ không được hưởng đầy đủ các quyền con người trên thực tế mà còn chỉ rõ cách thức mà các quốc gia thành viên phải tiến hành nhằm bảo đảm bình đẳng giới.

Như vậy, biện pháp bảo đảm bình đẳng giới là cách thức mà các quốc gia tiến hành nhằm đạt được

\* Khoa Pháp luật dân sự, Đại học Luật Hà Nội

đây bình đẳng giới yêu cầu phải xây dựng các quy phạm pháp luật và nhóm chính sách thể hiện tính “ưu đãi” khi cần thiết để thu hẹp khoảng cách giới. Do đó, nam và nữ mới được bình đẳng trên thực tế.

*Thứ hai*, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp bảo đảm bình đẳng giới do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là tạo ra “sự phân biệt đối xử”, bởi vì, để thu hẹp khoảng cách giới thì phải xây dựng nhóm chính sách “ưu đãi” cho nam hoặc nữ. Vì thế, một trong những nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới đã nêu rõ, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới “không bị coi là phân biệt đối xử về giới”. Như vậy, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới phải do cơ quan có thẩm quyền ban hành, các cơ quan, tổ chức không được tự ý quy định việc áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới. Ví dụ, hiện nay, Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định, áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, trên cơ sở này, các chính sách ưu đãi nhằm rút ngắn khoảng cách giới sẽ được cơ quan có thẩm quyền ban hành phù hợp với quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức không có thẩm quyền không được phép tự ý xây dựng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

*Thứ ba*, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp chỉ được áp dụng khi thỏa mãn điều kiện cần thiết được pháp luật quy định. Theo quy định của pháp luật hiện hành, biện pháp này chỉ được áp dụng khi có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò và sự thụ hưởng mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch đó. Mục đích của việc áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là nhằm bảo đảm bình đẳng giới trên thực tế. Vì vậy, khi pháp luật ghi nhận quyền bình đẳng cho nam và nữ trên mọi

phương diện nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà trên thực tế, các quyền đó không được bảo đảm thực hiện đối với một nhóm, tạo ra sự chênh lệch lớn về khoảng cách đối với nhóm kia. Do đó, về nguyên tắc, để bảo đảm bình đẳng giới, nhóm chưa đạt được bình đẳng giới sẽ được tạo điều kiện, cơ hội để thực hiện các quyền của mình nhằm thu hẹp khoảng cách giới. Vì vậy, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới chỉ được áp dụng khi thỏa mãn điều kiện cần thiết mà pháp luật quy định là có sự chênh lệch lớn về khoảng cách giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, cơ hội và sự thụ hưởng. Do đó, khi không có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò và sự thụ hưởng thì không được áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

*Thứ tư*, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp đặc biệt tạm thời, khi khoảng cách giới được thu hẹp, mục tiêu bình đẳng giới đạt được thì biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới sẽ được gỡ bỏ. Bởi vì, xét về tính chất, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp thể hiện tính ưu đãi. Áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới sẽ tạo ra nhóm chính sách mang tính ưu đãi, việc ưu đãi có thể đặt ra với nhóm nam hoặc nhóm nữ nhằm thu hẹp khoảng cách giới. Do đó, khi khoảng cách giới đã được thu hẹp mà vẫn tiếp tục áp dụng thì lại tạo ra bất bình đẳng giới. Vì vậy, khi khoảng cách giới được thu hẹp, mục đích bình đẳng giới đã đạt được, cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, xét về tính chất cũng thể hiện tính ưu đãi, tuy nhiên, khác với các quy phạm và nhóm chính sách có tính ưu đãi được sử dụng để thực hiện chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ. Bởi vì, tính ưu đãi trong biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới có thể đặt ra đối với nam

hoặc nữ, tùy thuộc khoảng cách giới chênh lệch đang tạo ra bất lợi cho nhóm nào trong việc thực thi quyền. Tuy nhiên tính ưu đãi của chính sách bảo vệ, hỗ trợ người mẹ thì chỉ đặt ra đối với phụ nữ. Mặt khác, việc ưu đãi trong chính sách bảo vệ hỗ trợ người mẹ là giải pháp dài hạn mà không có tính chất là biện pháp đặc biệt tạm thời như biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới. Cần phân biệt để nhận diện rõ, tránh nhầm lẫn đối với các nhóm chính sách ưu đãi thuộc biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và nhóm chính sách ưu đãi nhằm bảo vệ, hỗ trợ người mẹ.

### **3. Kiến nghị**

Có thể nói, việc áp dụng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong trường hợp cần thiết có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc bảo đảm bình đẳng giới. Khác với các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới khác, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp được sử dụng để tăng cường việc trao cơ hội cho nam hoặc nữ nhằm bảo đảm cho quyền của họ được thực hiện. Khác với các giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, cách thức thực hiện nhằm trao quyền cho nam hoặc nữ trong khuôn khổ của biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới luôn hướng sự “ưu tiên” vào nhóm nam hoặc nhóm nữ để đạt được sự bình đẳng trên thực tế. Do đó, cần phân biệt rõ các khái niệm thúc đẩy bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới để tránh sự nhầm lẫn.

Thúc đẩy bình đẳng giới được hiểu là tổng hợp mọi hoạt động mà các chủ thể trong phạm vi quyền hạn của mình phải tiến hành để bảo đảm bình đẳng giới. Theo nghĩa này, việc thúc đẩy bình đẳng giới bao gồm việc thực hiện mọi biện pháp, trong đó có biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới cũng là một biện pháp bảo đảm bình đẳng giới. Tuy nhiên, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là một biện pháp đặc

biệt. Bởi vì, đây là một biện pháp chỉ được áp dụng khi thỏa mãn các điều kiện được quy định trong pháp luật và việc áp dụng biện pháp này xét về tính chất là tăng cường cơ hội cho nam hoặc nữ nhằm thu hẹp khoảng cách giới. Tuy nhiên, trong nghiên cứu về bình đẳng giới, việc sử dụng thuật ngữ “biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới” dễ dẫn đến việc đồng nhất khái niệm “thúc đẩy bình đẳng giới” với “biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới”. Điều này dẫn đến cách hiểu không chính xác về biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Vì vậy, tác giả cho rằng, việc sử dụng thuật ngữ “biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới” với tư cách là một biện pháp bảo đảm bình đẳng giới được quy định trong pháp luật hiện hành dễ dẫn đến sự nhầm lẫn trong nghiên cứu, phát hiện cũng như thi hành, áp dụng pháp luật về bình đẳng giới. Bởi vì, tên gọi này dễ gây nhầm lẫn giữa việc thực hiện trong nhiều trường hợp sự đánh đồng về mặt ngôn ngữ sẽ dẫn đến việc hiểu không chính xác về biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới. Ví dụ, việc áp dụng biện pháp thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới thực chất cũng sẽ thúc đẩy vấn đề bình đẳng giới. Bởi vì, sự thay đổi về nhận thức sẽ giúp các cá nhân thay đổi về hành vi ứng xử và hành động có trách nhiệm giới. Tuy nhiên, thúc đẩy bình đẳng giới theo nghĩa này không thể hiểu đó là thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới. Vì theo pháp luật, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới chỉ được áp dụng như là một biện pháp đặc biệt tạm thời, mặt khác, khi biện pháp này được áp dụng thì sẽ tạo ra các chính sách ưu tiên cho nhóm nam hoặc nhóm nữ nhằm thu hẹp khoảng cách giới.

Từ phân tích trên, tác giả cho rằng, cần sử dụng thuật ngữ chính xác hơn để gọi đúng tên của biện

*(Xem tiếp trang 45)*

**Thứ tư**, cơ sở hạ tầng và quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics chưa hoàn thiện: Theo Dự thảo Đề án Chiến lược Phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, một trong những tồn tại và hạn chế hiện nay trong lĩnh vực này là cơ sở hạ tầng logistics còn yếu kém, chưa đồng bộ, phân tán và thiếu tính kết nối<sup>13</sup>.

#### 4. Một số kiến nghị

**Thứ nhất**, nghiên cứu, tiến tới thừa nhận và phát triển mô hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam trên cơ sở xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh hoạt động này. Theo báo cáo của Bộ Công Thương về logistics năm 2023, với yêu cầu xanh hóa hoạt động logistics, một số yêu cầu đề ra gồm: (i) Sử dụng hệ thống quản lý vận tải thông minh trong việc tối ưu lộ trình vận tải và giảm thiểu nhiên liệu tiêu thụ; (ii) Giảm tỷ lệ % phương tiện chạy rỗng; (iii) Thực hiện việc chia sẻ vận tải cho các đơn hàng<sup>14</sup>. Trong đó, áp dụng mô hình kinh tế chia sẻ trong logistics sẽ giải quyết được các vấn đề trên. Giải pháp này cũng phù hợp với xu hướng của nhiều quốc gia trên thế giới như thị trường châu Âu và Hoa Kỳ<sup>15</sup>.

Như vậy, việc thừa nhận và phát triển mô hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực logistics là cần thiết và phù hợp với xu thế trên thế giới, đồng thời cũng mang nhiều lợi ích cho xã hội thông qua việc khai thác tiềm năng thị trường chia sẻ vận tải và kho bãi tại Việt Nam.

**Thứ hai**, hoàn thiện pháp luật liên quan để phát triển kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực logistics theo hướng: (i) Thống nhất về khái niệm dịch vụ logistic tại các văn bản quy phạm pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế; (ii) Thống nhất quy định hợp đồng trong lĩnh vực logistics trong một văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có hợp đồng giữa các bên trong mô hình kinh tế chia sẻ lĩnh vực logistics.

**Thứ ba**, phát triển cơ sở hạ tầng và hoàn thiện quá trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước. Giải pháp này mang tính chất quan trọng trong phát triển ngành logistics nói chung và kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực này nói riêng.

**Thứ tư**, ban hành chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ khởi nghiệp ứng dụng mô hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực logistics như hỗ trợ vốn, tài chính, tập huấn, tuyên truyền □

1. Kathan, W., Matzler, K., Veider, V., 2016, *The sharing economy: Your business model's friend or foe?*, *Business Horizons*, 59, 663- 672, <http://dx.doi.org/10.1016/j.bushor.2016.06.006>.

2. Deloitte, 2016, *The rise of the sharing economy. Impact on the transportation space*, 1 - 12.

3. Jovan T Ilija Tanackov, epić, Gordan Stojić (2011), *Ancient logistics - historical timeline and etymology*, [https://www.researchgate.net/publication/283863501\\_Ancient\\_logistics\\_\\_historical\\_timeline\\_and\\_etymology](https://www.researchgate.net/publication/283863501_Ancient_logistics__historical_timeline_and_etymology), truy cập ngày 30/4/2024.

4. Vương Thị Bích Ngà (2022), *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành Logistics Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Ngoại thương, tr. 31, [http://lrc.quangbinhuni.edu.vn:8181/dspace/bitstream/DHQB\\_123456789/5733/1/C%C3%A1c%20y%E1%BA%BFu%20t%E1%BB%91%20%E1%BA%A3nh%20h%C6%B0%E1%BB%9Fng%20%C4%91%E1%BA%BFn%20s%E1%BB%B1%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20c%E1%BB%A7a%20ng%C3%A0nh%20logistics%20Vi%E1%BB%87t%20Nam.pdf](http://lrc.quangbinhuni.edu.vn:8181/dspace/bitstream/DHQB_123456789/5733/1/C%C3%A1c%20y%E1%BA%BFu%20t%E1%BB%91%20%E1%BA%A3nh%20h%C6%B0%E1%BB%9Fng%20%C4%91%E1%BA%BFn%20s%E1%BB%B1%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20c%E1%BB%A7a%20ng%C3%A0nh%20logistics%20Vi%E1%BB%87t%20Nam.pdf), truy cập ngày 28/4/2024.

5. Đông Phong (2021), *Chuyển đổi số trong logistics là cơ sở xây dựng nền kinh tế chia sẻ*, <https://vietnamnet.vn/chuyen-doi-so-trong-logistics-la-co-so-xay-dung-nen-kinh-te-chia-se-i398368.html>, truy cập ngày 28/4/2024.

6. Matthias Heutger (2017), *The Sharing Economy: How logistics can contribute and benefit*, <https://www.linkedin.com/pulse/sharing-economy-how-logistics-can-contribute-benefit-matthias-heutger>, truy cập ngày 28/4/2024.

7. Rachel Botsman (2015), *Defining the sharing economy what is collaborative consumption and what isnt*, <https://www.fastcompany.com/3046119/defining-the-sharing-economy-what-is-collaborative-consumption-and-what-isnt>, truy cập ngày 28/4/2024.
8. Shigeyuki Tani (2023), *Social Reforms Accelerated by Data Distribution* [https://www.hitachi.com/rev/archive/2017/2017\\_06/pdf/p53-59\\_R6-04.pdf](https://www.hitachi.com/rev/archive/2017/2017_06/pdf/p53-59_R6-04.pdf), truy cập ngày 03/5/2024.
9. Công thông tin điện tử của Bộ Tài chính (2024), [https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/li-chi-tiettin?dDocName=MOFUCM096861#:~:text=D%E1%BB%8Bch%20v%E1%BB%A5%20logistics%20%E1%BB%9F%20Vi%E1%BB%87t,Singapore%2C%20Malaysia%2C%20Th%3%A1i%20Lan](https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/li-chi-tiettin?dDocName=MOFUCM096861#:~:text=D%E1%BB%8Bch%20v%E1%BB%A5%20logistics%20%E1%BB%9F%20Vi%E1%BB%87t,Singapore%2C%20Malaysia%2C%20Th%3%A1i%20Lan), truy cập ngày 28/4/2024.
10. Vũ Anh (2023), Gia tăng “cơ khát” nguồn cung nhà xưởng, kho bãi, <https://baodautu.vn/batdongsan/gia-tang-con-khat-nguon-cung-nha-xuong-kho-bai-d200849.html>, truy cập ngày 29/4/2024.
11. Bộ Công Thương (2023), tr. 59, <https://valoma.vn/wp-content/uploads/2023/12/Bao-cao-Logistics-Viet-Nam-2023.pdf>, truy cập ngày 28/4/2024.
12. Nguyễn Xuân Quyết và Trần Thị Ngọc Lan (2019), Nghiên cứu thực trạng dịch vụ hậu cần điện tử (e-logistics) tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm, 19(2), tr. 147 - 159.
13. Bộ Công Thương (2024), Dự thảo Đề án Chiến lược Phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tr. 52, <https://drive.google.com/drive/folders/17EQYjMlj6l-J5rLjLSMNJnM0CxHyTA-P>, truy cập ngày 30/4/2024.
14. Bộ Công Thương (2023), *tlđđ*, tr. 91.
15. Kolacz, M. K. (2022). *Sharing Economy in Logistics: Towards a legal framework for co-operation (Doctoral dissertation, University of Antwerp)*.

## Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới...

(Tiếp theo trang 7)

pháp thúc đẩy bình đẳng giới, với ý nghĩa là một biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất được quy định trong pháp luật để tránh sự nhầm lẫn trong nghiên cứu, áp dụng pháp luật, tạo cơ sở để thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới một cách hiệu quả. Theo quan điểm của tác giả, cần sử dụng thuật ngữ “biện pháp đặc biệt nhằm thúc đẩy

bình đẳng giới” thay cho “biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới” được quy định trong Luật Bình đẳng giới năm 2006. Việc thay đổi này sẽ khắc phục được những tồn tại nêu trên, bảo đảm sự thuận tiện trong việc tiếp cận và giải quyết các vấn đề về giới, góp phần thu hẹp khoảng cách giới, thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới □

1. Điều 3 Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.
2. Điều 19 Luật Bình đẳng giới năm 2006.
3. Viện Ngôn ngữ, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa, 2009, tr. 802.
4. Tài liệu Hướng dẫn về bình đẳng giới cho các ấn phẩm của UNESCO, 2012.
5. Khoản 6 Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006.